TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO THẮNG** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:33/2018/HNGĐ-ST
Ngày 14-11-2018
V/v Tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Huệ.
2. Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết.

Thư ký phiên toà: Ông Hà Tiến Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Mai Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 192/2018/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2018 về việc "Chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Khánh V - Sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Thôn T, xã G, huyện B, tỉnh Lào Cai;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Bùi Xuân D - Sinh năm: 1975; Địa chỉ: Số nhà , đường Trần ĐN, tổ, phường C, TP L, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Thành T - Sinh năm: 1980.

Nơi ĐKHK: Thôn T, xã G, huyện B, tỉnh Lào Cai; Nơi ở: Thôn H, xã G, huyện B, tỉnh Lào Cai- Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/7/2018 và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án của chị Nguyễn Thị Khánh V cũng như lời trình bầy của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa:

Ngày 19/12/2017 chị V và anh T đã lập văn bản thỏa thuận tại văn phòng công chứng về việc chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Trong văn bản công chứng thì chị V và anh T đều xác định tài sản chung của vợ chồng gồm có:

Trị giá của các loại máy móc thiết bị, phụ tùng thay thế trong cửa hàng sửa chữa đồ điện dân dụng là 40.000.000 đồng (nhà và đất để làm cửa hàng là của bố mẹ đẻ anh T nên không thỏa thuận chia); Tiền mặt là: 600.000.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản là 640. 000.000 đồng, hai bên thỏa thuận là anh T phải có trách nhiệm trả cho chị 1/2 giá trị tài sản là 320.000.000 đồng trước ngày 11/5/2018.

Ngày 17/7/2018 chị V và anh T được Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng giải quyết vụ án ly hôn theo Quyết định số 102/2018/QĐST -HNGĐ, không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản và công nợ chung của vợ chồng. Từ đó đến nay, anh T không trả cho chị V 1/2 giá trị tài sản chung như đã thỏa thuận, anh T chỉ đồng ý trả 1/2 giá trị cửa hàng thì chị không đồng ý, ngoài ra anh chị không có tài sản nào khác. Quá trình chung sống, chị và anh T nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, anh T là người trực tiếp quản lý kinh tế trong gia đình, thời điểm anh T rút tiền tiết kiệm thì chị không biết. Do vợ chồng cũng có mâu thuẫn nên chị đã nộp đơn ly hôn và hai bên tự nguyện thỏa thuận chia tài sản chung bằng văn bản công chứng. Lần 2 anh T rút tiền tiết kiệm thì mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, chị đã nộp đơn ly hôn nên không thể có việc anh T rút tiền tiết kiệm để chị cùng chi tiêu trong gia đình. Vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh T phải trả cho chị 1/2 giá trị tài sản chung là 320.000.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 01/8/2018 và bản tự khai ngày 15/10/2018 của anh Đỗ Thành T, anh xác nhận về việc thỏa thuận chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân như chị V đã trình bầy là đúng sự thật. Tuy nhiên anh trình bầy: tháng 5/2017, anh có gửi tiết kiệm số tiền 600.000.000 đồng là tài sản chung của anh và chị V tại Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Lào Cai, đến tháng 8/2017 thì anh đã rút 200.000.000 đồng trong tổng số tiền này để sử dụng chi tiêu chung trong gia đình. Tháng 12/2017 do mâu thuẫn gia đình nên chị V có đơn xin ly hôn với anh nên anh và chị V thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng bằng văn bản công chứng, xác định có 600.000.000 đồng tiền mặt và giá trị cửa hàng là 40.000.000 đồng, thời điểm này số tiền gửi tiết kiệm chỉ còn 400.000.000 đồng nhưng do anh nghĩ anh và chị V vẫn còn tình cảm và tiếp tục chung sống nên anh đã nhất trí ghi số tiền mặt trong văn bản thỏa thuận là 600.000.000 đồng. Tháng 5/2018 thì anh thế chấp số tiết kiệm để vay số tiền 400.000.000 đồng, sau đó đã rút hết số tiền còn lại là 400.000.000 đồng để trả số tiền đã vay, việc rút tiền thì chị V cũng biết và nhất trí. Khi cất tiền trong két thì chị V đã lấy 200.000.000 đồng để cho vay, cụ thể cho ai vay thì anh không biết, số tiền 200.000.000 đồng còn lại thì anh đã thanh toán công nợ và chi tiêu trong gia đình hết nên anh không nhất trí trả cho chị V 1/2 số tiền mặt như yêu cầu mà chỉ trả cho chị V 1/2 giá trị cửa hàng là 20.000.000 đồng nhưng hiện tại anh đang khó khăn nên không có tiền trả cho chị V.

Về công nợ chung: Chị V và anh T đều xác định không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, ngoài ra anh chị cũng không yêu cầu giải quyết đối với tài sản nào chung khác.

Đối với vụ án này Toà án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự đều giữ nguyên quan điểm của mình và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến phiên tòa hôm nay: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng các quy định của pháp luật: về thủ

tục Tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật, đúng tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ và giải quyết trong thời hạn luật định. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành tốt các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng;

Về nội dung vụ án: Ngày 19/12/2017 các đương sự lập văn bản công chứng về việc thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng, xác định tổng giá trị tài sản là 640.000.000 đồng, đây là các tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc sử dụng số tiền 600.000.000 đồng như đã trình bầy. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 2 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 33, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V, buộc anh Đỗ Thành T phải có trách nhiệm trả cho chị V 1/2 giá trị tài sản chung là 320.000.000 đồng. Tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Khánh V khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn với bị đơn là anh Đỗ Thành T. Nguyên đơn và bị đơn đều có hộ khẩu thường trú tại xã G, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, vì vậy đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về xác định tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự đều xác định tài sản chung của chị V và anh T gồm có tiền mặt 600.000.000 đồng; Trị giá phụ tùng, thiết bị trong cửa hàng sửa chữa đồ điện dân dụng là 40.000.000 đồng, tổng cộng là 640.000.000 đồng. Nguồn gốc tài sản do anh T và chị V kinh doanh và tiết kiệm mà có. Tại phiên tòa các bên đương sự đều nhất trí với nội dung đã thỏa thuận trong văn bản công chứng ngày 19/12/2017 và không có ý kiến gì khác, xác định việc thỏa thuận là tự nguyện; các đương sự không yêu cầu định giá lại đối với giá trị cửa hàng sửa chữa đồ điện dân dụng mà anh T đang quản lý, sử dụng.

[3 Về yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn:

Đối với số tiền mặt 600.000.00 đồng: Tòa án đã tiến hành thu thập tại liệu tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Lào Cai, tài liệu, chứng cứ do anh T cung cấp, cũng như tại phiên tòa các đương sự đều xác định:

Ngày 11/5/2017 anh T gửi tiết kiệm 600.000.000 đồng, gửi có kỳ hạn đến 11/5/2018.

Ngày 14/8/2017 anh T rút tiền tiết kiệm 200.000.000 đồng;

Ngày 02/5/2018 anh T làm thủ tục vay 400.000.000 đồng (thời hạn vay 09 ngày); Ngày 11/5/2018 anh T làm thủ tục rút 400.000.000 đồng tiền gửi tiết

kiệm; Tuy nhiên ngày 19/12/2017 anh T và chị V ký văn bản công chứng thỏa thuận chia tài sản chung, vẫn xác định có 600.000.000 đồng tiền mặt và 40.000.000 đồng giá trị cửa hàng.

Ngày 17/5/2018 Tòa án tiếp tục thụ lý giải quyết việc ly hôn theo đơn của chị V, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và công nợ chung. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh T thừa nhận là người quản lý và gửi số tiền tiết kiệm 600.000.000 đồng nhưng anh trình bầy đã chi tiêu chung trong gia đình và thanh toán công nợ hết nhưng không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh.

Các tài liệu trong hồ sơ, cũng như bản tự khai của anh T xác định là anh, chị đã xảy ra mâu thuẫn từ mấy tháng trước thời điểm thụ lý vụ án. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc rút tiền tiết kiệm để chi tiêu chung trong gia đình. Do đó vệc anh trình bầy là anh có bàn bạc với chị V việc rút tiền tiết kiệm để chi tiêu chung trong gia đình và thanh toán công nợ chung là không có căn cứ chấp nhận. Hơn nữa anh T vẫn duy trì hoạt động của cửa hàng sửa chữa đồ điện dân dụng từ trước cho đến nay, chị V cũng có đơn xác nhận vẫn làm việc và kinh doanh sim thẻ điện thoại tại cửa hàng trong thời gian chung sống cho đến khi ly hôn nên vẫn đảm bảo duy trì sinh hoạt trong gia đình. Chị V nhất trí để anh T tiếp tục quản lý và sử dụng cửa hàng sửa chữa đồ điện dân dụng theo nguyện vọng của anh T. Chị V không yêu cầu tính lãi đối số tiền gửi tiết kiệm, không yêu cầu tính lãi đối với thời gian anh T chưa trả tiền cho chị theo thỏa thuận trong văn bản công chứng và không yêu cầu anh T phải trả bất kỳ khoản tiền hoặc tài sản nào khác.

Toàn bộ các chứng từ tại Ngân hàng và bản thân anh T cũng thừa nhận, anh là người trực tiếp quản lý, trực tiếp gửi tiền tiết kiệm, rút tiền và vay tiền, không liên quan đến bất kỳ người nào khác. Từ những phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của chị V là có căn cứ chấp nhận, cần buộc anh T phải trả cho chị V 1/2 giá trị tài sản chung của anh và chị V là phù hợp với quy định tại Điều 33, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 33, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1.Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Khánh V, buộc anh Đỗ Thành T phải có trách nhiệm trả cho chị V 1/2 giá trị tài sản chung số tiền là 320.000.000 đồng.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật và từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Khánh V phải chịu 16.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, xác nhận chị V đã nộp là 14.800.000 đồng theo biên lai số

0007684 ngày 31/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, chị Nguyễn Thị Khánh V còn phải nộp số tiền án phí là 1.200.000 đồng.

Anh Đỗ Thành T phải chịu 16.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bảo Thắng (2);
- THADS huyện Bảo Thắng (2);
- UBND xã G;
- Đương sự (02);
- Lưu HS, TA, VP .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoàng Liên